



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng
Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2003
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các giấy phép đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đầu tư số	47203300720	ngày 17 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	-------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3600618918	ngày 31 tháng 8 năm 2015
--	------------	--------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng Quản trị	Phạm Trung Lâm	Chủ tịch
	Trần Phương Bắc	Thành viên
	Danny Lê	Thành viên

Ban Giám đốc	Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc
	Ernest Vijyakumar Richards	Giám đốc Vận hành
	Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Đoàn Thị Mỹ Duyên
Đặng Ngọc Cả
Đào Thị Mai Hoa

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 10 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Lô A4, đường số 2
Khu công nghiệp Sông Mây
Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-797



Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.162.182.042.824	1.558.389.035.608
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	194.438.244.442	510.114.433.384
Tiền	111		23.438.244.442	29.514.433.384
Các khoản tương đương tiền	112		171.000.000.000	480.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		709.778.855.873	610.957.293.435
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	185.086.999.436	169.714.952.228
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.596.111.457	6.470.784.275
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	401.140.816.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	121.522.757.117	437.495.630.870
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(15.567.828.137)	(2.724.073.938)
Hàng tồn kho	140	9	254.835.448.412	433.572.605.397
Hàng tồn kho	141		254.835.448.412	435.098.050.529
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.525.445.132)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.129.494.097	3.744.703.392
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	3.129.494.097	3.744.270.352
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	433.040

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.186.999.749.725	5.812.233.305.661
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.037.244.317.837	2.777.726.504.897
Vốn lưu động đã cấp cho Chi nhánh	213		27.000.000.000	27.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	937.000.000.000	2.631.574.458.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	73.244.317.837	119.152.046.897
Tài sản cố định	220		103.817.750.516	90.245.316.804
Tài sản cố định hữu hình	221	10	93.160.745.230	90.245.316.804
<i>Nguyên giá</i>	222		190.289.437.193	179.785.569.425
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(97.128.691.963)	(89.540.252.621)
Tài sản cố định vô hình	227	11	10.657.005.286	-
<i>Nguyên giá</i>	228		11.472.160.972	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(815.155.686)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		94.047.999	1.714.592.281
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	94.047.999	1.714.592.281
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.011.578.376.279	2.897.880.376.279
Đầu tư vào công ty con	251		876.088.204.279	762.390.204.279
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.135.490.172.000	2.135.490.172.000
Tài sản dài hạn khác	260		34.265.257.094	44.666.515.400
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	5.863.892.789	7.882.181.022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	28.401.364.305	36.784.334.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.349.181.792.549	7.370.622.341.269

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.428.723.552.409	6.069.002.741.918
Nợ ngắn hạn	310		604.095.443.840	3.175.935.247.642
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	160.968.339.164	278.960.795.256
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.004.809.388	35.424.686.374
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	6.813.032.152	25.705.055.056
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	143.373.308.149	267.820.043.846
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	5.665.219.112	1.996.320.457.036
Vay ngắn hạn	320	20(a)	283.263.621.169	571.697.095.368
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.114.706	7.114.706
Nợ dài hạn	330		2.824.628.108.569	2.893.067.494.276
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	26.305.969.166
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	13.744.595.980	37.578.191.778
Vay và trái phiếu dài hạn	338	20(b)	2.805.879.808.839	2.829.183.333.332
Dự phòng phải trả dài hạn	340		5.003.703.750	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.920.458.240.140	1.301.619.599.351
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.920.458.240.140	1.301.619.599.351
Vốn cổ phần	411	22	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.718.568.502.554	1.099.729.861.765
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.169.666.267.389	66.115.347.774
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		548.902.235.165	1.033.614.513.991
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.349.181.792.549	7.370.622.341.269

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	2.485.893.085.461	3.602.042.800.583
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	104.445.721.761	213.555.648.600
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	2.381.447.363.700	3.388.487.151.983
Giá vốn hàng bán	11	25	1.870.815.069.105	2.669.856.563.845
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		510.632.294.595	718.630.588.138
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	738.645.826.220	861.679.897.251
Chi phí tài chính	22	27	381.219.678.880	139.371.353.972
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		380.273.415.905	136.549.062.306
Chi phí bán hàng	25	28	231.754.796.266	333.499.923.816
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	78.526.663.104	85.238.455.031
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		557.776.982.565	1.022.200.752.570
Thu nhập khác	31	30	2.127.532.886	66.964.467.629
Chi phí khác	32	31	1.160.099.166	4.618.673.839
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		967.433.720	62.345.793.790
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		558.744.416.285	1.084.546.546.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.459.211.047	75.111.699.531
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	8.382.970.073	(24.179.667.162)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		548.902.235.165	1.033.614.513.991

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trương Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	558.744.416.285	1.084.546.546.360
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	14.325.839.222	14.335.859.080
Các khoản dự phòng	03	16.322.012.817	681.817.397
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.915.447.029)	2.740.344.102
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(736.849.395.096)	(861.679.897.251)
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	06	380.273.415.905	136.549.062.306
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	230.900.842.104	377.173.731.994
Biến động các khoản phải thu	09	(25.306.933.400)	43.377.802.204
Biến động hàng tồn kho	10	180.262.602.117	(180.372.288.978)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(292.048.341.970)	214.518.747.301
Biến động chi phí trả trước	12	2.726.481.130	(6.119.611.074)
		96.534.649.981	448.578.381.447
Tiền lãi vay và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả	14	(245.807.825.438)	(65.544.165.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.805.936.095)	(75.725.357.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(170.079.111.552)	307.308.858.678

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(27.825.416.490)	(4.305.334.808)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	3.317.131.083	1.066.987.566
Tiền chi cho vay	23	(1.039.400.000.000)	(6.601.229.473.683)
Tiền thu hồi cho vay	24	555.610.412.342	4.829.426.841.305
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(200.000.000.000)	(2.729.480.172.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	609.384.269.874	1.275.755.693.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(98.913.603.191)	(3.228.765.458.089)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	4.321.408.593.634	9.868.146.228.131
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.380.092.067.833)	(6.541.556.602.022)
Tiền trả cổ tức	36	(1.988.000.000.000)	(190.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.683.474.199)	3.136.589.626.109
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(315.676.188.942)	215.133.026.698
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	510.114.433.384	294.981.406.686
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 4	194.438.244.442	510.114.433.384

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh của Công ty tại tỉnh Hà Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp (“Chi nhánh” hoặc “ANCO Hà Nam”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Trụ Sở chính là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Trụ sở chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Trụ sở chính có 401 nhân viên (1/1/2017: 489 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này chỉ bao gồm hoạt động của Trụ sở chính và không bao gồm hoạt động tại các công ty con và chi nhánh độc lập. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính riêng (bao gồm Trụ sở chính và chi nhánh độc lập) và báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm Công ty và các công ty con).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất cùng các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	-	24.642.500
Tiền gửi ngân hàng	23.436.902.192	29.489.790.884
Tiền đang chuyển	1.342.250	-
Các khoản tương đương tiền	171.000.000.000	480.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	194.438.244.442	510.114.433.384

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	23.846.748.111	11.007.834.855
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	21.582.283.656	30.365.499.128
Các khách hàng khác	139.657.967.669	128.341.618.245
	<hr/>	<hr/>
	185.086.999.436	169.714.952.228

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	23.846.748.111	11.007.834.855
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	21.582.283.656	30.365.499.128
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang	16.195.099.197	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An	14.427.432.360	8.042.454.700
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang	6.211.485.195	2.617.721.399
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	5.890.335.889	5.851.735.071
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	4.347.039.576	4.394.357.500
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên	1.807.966.300	2.788.309.909
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	59.916.000	-
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam	2.041.123.378	-

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về cho vay

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ:		
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (*)	292.379.516.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (*)	108.761.300.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (**)	937.000.000.000	396.000.000.000
Công ty TNHH Kenji	-	788.400.000.000
Công ty TNHH Shika	-	1.447.174.458.000
	1.338.140.816.000	2.631.574.458.000
	1.338.140.816.000	2.631.574.458.000
Ngắn hạn	401.140.816.000	-
Dài hạn	937.000.000.000	2.631.574.458.000
	1.338.140.816.000	2.631.574.458.000
	1.338.140.816.000	2.631.574.458.000

(*) Khoản phải thu về cho vay từ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang và Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An, các bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,6%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2019 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(**) Khoản phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ cấp cao, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2021 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty con	86.302.000.000	-
Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan	30.995.920.394	7.550.684.931
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	544.625.000	-
Khoản phải thu khác từ các bên liên quan	1.269.480.994	425.457.348.603
Các khoản tạm ứng	841.764.428	2.239.397.438
Tiền đặt cọc ngắn hạn	614.083.000	614.083.000
Cho các bên liên quan mượn nguyên vật liệu	-	873.790.286
Phải thu khác	954.883.301	760.326.612
	121.522.757.117	437.495.630.870

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
		Phân loại lại
Lãi cho vay phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	73.240.575.344	4.589.534.247
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Kenji	-	62.553.600.000
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Shika	-	52.008.912.650
Phải thu khác	3.742.493	-
	73.244.317.837	119.152.046.897

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu từ các bên liên quan

Bao gồm trong khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn:		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An	11.823.986.991	190.371.712.341
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang	19.171.933.403	234.689.928.342
▪ Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A)	386.307.919	386.307.920
▪ Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên	-	359.323.392
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam	428.347.914	428.347.914
▪ Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	229.293.673	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang	213.031.488	86.118.980
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định	12.500.000	9.400.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	7.550.684.931
▪ Công ty TNHH MNS Feed	86.302.000.000	-
Dài hạn:		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	73.240.575.344	4.589.534.247
▪ Công ty TNHH Kenji	-	62.553.600.000
▪ Công ty TNHH Shika	-	52.008.912.650

Các khoản phải thu từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.724.073.938	3.567.701.673
Tăng dự phòng trong năm	12.843.754.199	276.630.518
Hoàn nhập trong năm	-	(1.120.258.253)
	15.567.828.137	2.724.073.938
Số dư cuối năm	15.567.828.137	2.724.073.938

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi				
đường	58.613.002.385	-	156.917.121.345	-
Nguyên vật liệu	160.528.036.784	-	247.492.754.761	(1.525.445.132)
Công cụ và dụng cụ	991.919.566	-	-	-
Thành phẩm	34.398.559.972	-	30.688.174.423	-
Hàng hóa	303.929.705	-	-	-
	254.835.448.412	-	435.098.050.529	(1.525.445.132)
	254.835.448.412	-	435.098.050.529	(1.525.445.132)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74.437.626.222	72.852.599.448	30.885.064.720	1.610.279.035	179.785.569.425
Tăng trong năm	394.986.209	17.138.343.693	-	-	17.533.329.902
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	566.808.688	-	-	-	566.808.688
Thanh lý	-	(688.434.000)	(6.907.836.822)	-	(7.596.270.822)
Phân loại lại	12.356.795.474	(12.194.028.974)	-	(162.766.500)	-
Số dư cuối năm	87.756.216.593	77.108.480.167	23.977.227.898	1.447.512.535	190.289.437.193
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.017.416.317	39.113.860.587	20.890.418.518	1.518.557.199	89.540.252.621
Khấu hao trong năm	5.798.959.475	4.843.755.533	2.852.667.514	15.301.014	13.510.683.536
Thanh lý	-	(340.390.882)	(5.581.853.312)	-	(5.922.244.194)
Phân loại lại	4.482.638.389	(4.382.265.303)	-	(100.373.086)	-
Số dư cuối năm	38.299.014.181	39.234.959.935	18.161.232.720	1.433.485.127	97.128.691.963
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	46.420.209.905	33.738.738.861	9.994.646.202	91.721.836	90.245.316.804
Số dư cuối năm	49.457.202.412	37.873.520.232	5.815.995.178	14.027.408	93.160.745.230

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 20.481 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 15.817 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.472.160.972
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.472.160.972
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	815.155.686
	<hr/>
Số dư cuối năm	815.155.686
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	10.657.005.286
	<hr/> <hr/>

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.714.592.281	-
Tăng trong năm	10.511.842.020	1.714.592.281
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(93.416.642)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(566.808.688)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(11.472.160.972)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	94.047.999	1.714.592.281
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư góp vốn vào công ty con

	31/12/2017			1/1/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	100.229.646.102	-	(*)	100.229.646.102	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định	20.038.558.177	-	(*)	20.038.558.177	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (i)	-	-	(*)	22.302.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên	25.830.000.000	-	(*)	25.830.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (i)	-	-	(*)	64.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri- Farm”)	699.990.000.000	-	(*)	499.990.000.000	-	(*)
	876.088.204.279	-	(*)	762.390.204.279	-	(*)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

STT	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
Các công ty con					
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>					
1	Công ty TNHH Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tấm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	Khu IV, tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B4.06, khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	100%	100%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
3	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B5-B6, khu công nghiệp Trung Thành, xã Trung Thành, thị xã Phô Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.	100%	100%
4	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô 22, 23B, khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	0%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	0%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (i)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Đường số 4, khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%
7	Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Farm”) (i)	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	(Trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, đường số 2, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	99,999%	99,999%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>					
1	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A)	Chăn nuôi lợn.	Xóm Côn Sơn, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	99,999%	99,999%
2	Công ty TNHH MNS Meat Processing (ii)	Tư vấn quản lý.	Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,999%	-
3	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (iii)	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.	Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	99,999%	-
4	Công ty TNHH MNS Farm (iv)	Tư vấn quản lý.	Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,999%	-

- (i) Vào tháng 12 năm 2017, Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty TNHH MNS Feed (trước đây gọi là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”), một công ty con của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science, để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình vào Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế, Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang với giá chuyển nhượng là 242.362 triệu VND bao gồm phí giao dịch. Việc chuyển giao Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang và Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An đã hoàn thành trong năm. Việc chuyển giao các công ty con còn lại đã được hoàn thành vào tháng một và tháng hai năm 2018.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Trong tháng 8 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314547548 phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH MNS Meat Processing. Công ty TNHH MNS Meat sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH MNS Meat Processing.
- (iii) Trong tháng 8 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700793788 phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam. Công ty TNHH MNS Meat sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam.
- (iv) Trong tháng 12 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314805164 phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH MNS Farm. Công ty TNHH MNS Meat sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH MNS Farm.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế của Công ty trong các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2017					1/1/2017						
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỳ Nghệ Súc Sản (“Vissan”)	20.180.026	24,94%	24,94%	2.135.490.172.000	-	(*)	20.180.026	24,94%	24,94%	2.135.490.172.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Vissan có trụ sở đăng ký tại số 420, đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Vissan là chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí bảo hiểm trả trước	172.887.465	11.259.358
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.310.349.814	1.154.172.436
Công cụ và dụng cụ	478.084.675	942.513.332
Chi phí khác	1.168.172.143	1.636.325.226
	3.129.494.097	3.744.270.352

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.488.633.908	393.547.114	7.882.181.022
Tăng trong năm	3.284.493.751	232.091.475	3.516.585.226
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	93.416.642	93.416.642
Phân loại lại	(10.957.054)	10.957.054	-
Phân bổ trong năm	(5.350.522.241)	(277.767.860)	(5.628.290.101)
	5.411.648.364	452.244.425	5.863.892.789

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	15%	2.335.174.221	448.109.751
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15%	-	228.816.770
Chi phí phải trả ngắn hạn và dự phòng khác	15%	22.226.984.664	34.819.696.857
Chi phí phải trả dài hạn	15%	-	1.287.711.000
Lỗi tính thuế	15%	3.839.205.420	-
		28.401.364.305	36.784.334.378

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd.	30.416.471.970	70.037.131.180
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	14.607.808.404	28.868.743.466
Các nhà cung cấp khác	115.944.058.790	180.054.920.610
	<hr/>	<hr/>
	160.968.339.164	278.960.795.256
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán chi tiết là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	14.607.808.404	28.868.743.466
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	7.763.555.300	7.365.961.277
Công ty Cổ phần Tiêu dùng Masan	7.413.228.179	-
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên	951.127.557	-
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông Nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam	2.345.219.347	114.792.049
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang	926.602.477	-
Công ty TNHH Một thành viên Con Cò Bình Định	13.063.333.563	-
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên	409.144.700	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang	-	132.414.700
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	13.342.254	772.851.298	(758.541.548)	27.652.004
Thuế nhập khẩu	-	20.724.636.456	(20.724.636.456)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.777.868.468	1.459.211.047	(20.805.936.095)	1.431.143.420
Thuế thu nhập cá nhân	4.807.265.977	16.385.123.286	(15.838.152.535)	5.354.236.728
Các loại thuế khác	106.578.357	1.455.635.313	(1.562.213.670)	-
	25.705.055.056	40.797.457.400	(59.689.480.304)	6.813.032.152

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Thưởng và lương tháng thứ 13	18.463.164.814	65.226.138.310
Lãi trái phiếu	59.136.111.111	49.816.666.666
Chiết khấu thương mại	45.024.284.844	104.985.690.702
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	18.922.798.070	33.038.123.812
Chi phí khác	1.826.949.310	14.753.424.356
	143.373.308.149	267.820.043.846

19. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả	-	1.988.000.000.000
Mượn nguyên vật liệu	-	3.200.564.187
Ký quỹ ngắn hạn nhận được	-	242.040.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	319.875.777	-
Khác	5.345.343.335	4.877.852.849
	5.665.219.112	1.996.320.457.036

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả cho một bên liên quan	13.744.595.980	37.578.191.778

(c) Phải trả cho các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
▪ Cổ đông	-	1.988.000.000.000
▪ Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (*)	3.089.014.455	2.878.606.567
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (*)	321.957.620	321.957.620
Dài hạn		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (**)	13.744.595.980	37.578.191.778

(*) Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

(**) Khoản phải trả bên liên quan không được đảm bảo và phải hoàn trả theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm			31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Cần trừ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	571.697.095.368	571.697.095.368	2.241.408.593.634	(1.959.842.067.833)	(570.000.000.000)	283.263.621.169	283.263.621.169
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh 20(b))	-	-	1.743.250.000.000	(420.250.000.000)	(1.323.000.000.000)	-	-
	<u>571.697.095.368</u>	<u>571.697.095.368</u>	<u>3.984.658.593.634</u>	<u>(2.380.092.067.833)</u>	<u>(1.893.000.000.000)</u>	<u>283.263.621.169</u>	<u>283.263.621.169</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*)	VND	5,0% - 5,5%	221.790.183.960	368.881.483.499
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*)	USD	2,4% - 3,0%	61.473.437.209	124.619.455.273
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,7% - 4,8%	-	78,196,156,596
			<u>283.263.621.169</u>	<u>571.697.095.368</u>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 550 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng 1 đến 3 tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	2.573.155.299.041	5.808.350.000.000
Trái phiếu phát hành (ii)	1.975.974.509.798	1.965.933.333.332
	4.549.129.808.839	7.774.283.333.332
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh (20(a)))	(1.743.250.000.000)	(4.945.100.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	2.805.879.808.839	2.829.183.333.332

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Vay từ:					
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	VND	6,5%	2019	829.905.299.041	443.000.000.000
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế	VND	6,6%	2018	-	205.700.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam	VND	6,6%	2018	-	214.550.000.000
Hoàn trả sau 12 tháng				829.905.299.041	863.250.000.000

Các khoản vay dài hạn trên không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu phát hành

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	8,2%	2021	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000
Lô 2	VND	9%	2021	700.000.000.000	700.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ				(24.025.490.202)	(34.066.666.668)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				1.975.974.509.798	1.965.933.333.332

Bao gồm nhưng không giới hạn, các trái phiếu phát hành trên được đảm bảo bằng 12.662.189 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc và 3.468.215 cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (1/1/2017: 12.662.189 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc và 3.468.215 cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty TNHH Kenji và Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science).

Biến động chi phí phát hành trái phiếu trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số đầu năm	34.066.666.668	-
Tăng trong năm	22.900.000.000	46.900.000.000
Phân bổ trong năm	(32.941.176.466)	(12.833.333.332)
Số cuối năm	24.025.490.202	34.066.666.668

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.702.536.819.667	1.904.426.557.253
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển về từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam	-	-	-	541.578.528.107	541.578.528.107
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.033.614.513.991	1.033.614.513.991
Cổ tức	-	-	-	(2.178.000.000.000)	(2.178.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.099.729.861.765	1.301.619.599.351
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển về từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam	-	-	-	69.936.405.624	69.936.405.624
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	548.902.235.165	548.902.235.165
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.718.568.502.554	1.920.458.240.140

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.312.549.650	4.776.783.537
Trong vòng hai đến năm năm	20.085.473.168	16.407.134.148
Sau năm năm	105.448.734.134	113.870.271.485
	129.846.756.952	135.054.189.170

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	12.417	266.627.132	96.327	2.198.709.821

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	6.091.526.643	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.875.215.040	-
	<u>7.966.741.683</u>	<u>-</u>

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu	2.485.893.085.461	3.602.042.800.583
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu bán hàng	(104.049.116.011)	(213.555.648.600)
▪ Hàng bán bị trả lại	(396.605.750)	-
	<u>(104.445.721.761)</u>	<u>(213.555.648.600)</u>
Doanh thu thuần	<u>2.381.447.363.700</u>	<u>3.388.487.151.983</u>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn hàng bán	1.872.340.514.237	2.668.331.118.713
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.525.445.132)	1.525.445.132
	<hr/> 1.870.815.069.105	<hr/> 2.669.856.563.845

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	229.676.254.650	149.552.583.736
Cổ tức được chia	505.530.035.991	712.127.313.515
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	867.150.588	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.915.447.029	-
Khác	656.937.962	-
	<hr/> 738.645.826.220	<hr/> 861.679.897.251

27. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	188.971.128.332	73.899.062.308
Lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	191.302.287.573	62.649.999.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	946.262.975	81.947.564
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.740.344.102
	<hr/> 381.219.678.880	<hr/> 139.371.353.972

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	117.990.617.203	147.873.083.419
Chi phí nhân viên	56.810.277.012	78.785.586.001
Công cụ và dụng cụ	506.887.969	2.099.946.862
Chi phí vận chuyển	19.811.736.841	28.751.375.315
Chi phí thuê hoạt động	1.580.320.429	2.684.688.799
Chi phí khấu hao	1.151.165.041	1.346.208.036
Chi phí khác	33.903.791.771	71.959.035.384
	231.754.796.266	333.499.923.816

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	32.514.045.008	48.066.166.276
Chi phí thuê hoạt động	2.294.667.145	876.960.000
Chi phí văn phòng	1.290.366.092	1.207.561.140
Chi phí khấu hao	1.616.081.368	1.489.257.933
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	12.843.754.499	(843.627.735)
Chi phí khác	27.967.748.992	34.442.137.417
	78.526.663.104	85.238.455.031

30. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.643.104.455	-
Hoàn nhập dự phòng	-	65.729.237.236
Thu nhập khác	484.428.431	1.235.230.393
	2.127.532.886	66.964.467.629

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Giá trị ghi sổ của phế liệu đã bán	152.388.630	1.189.474.889
Các khoản chi phí liên quan đến thuế	979.470.536	3.092.776.497
Chi phí khác	28.240.000	336.422.453
	1.160.099.166	4.618.673.839

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí hàng mua bán lại	1.792.980.883.398	2.468.164.943.346
Chi phí nhân công và nhân viên	117.665.292.903	159.097.549.963
Chi phí khấu hao	14.325.839.222	14.335.859.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.429.819.189	63.174.299.348
Chi phí khác	192.694.693.763	383.822.290.955

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	-	71.977.623.221
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.459.211.047	3.134.076.310
	1.459.211.047	75.111.699.531
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	8.382.970.073	(24.179.667.162)
	9.842.181.120	50.932.032.369

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	558.744.416.285	1.084.546.546.360
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	83.811.662.443	162.681.981.954
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các hoạt động khác	-	1.371.652.050
Chi phí không được khấu trừ thuế	400.813.029	422.804.668
Thu nhập không chịu thuế	(75.829.505.399)	(116.678.482.613)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.459.211.047	3.134.076.310
	9.842.181.120	50.932.032.369

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư của Trụ sở chính, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập lãi cho vay được tái cơ cấu thành nợ gốc cho vay	-	58.400.000.000
Cần trừ phải thu về cho vay với nợ vay phải trả	2.202.074.458.000	-
Cần trừ về nợ vay phải trả với phải thu về cho vay	2.263.094.700.959	-
Cần trừ thu nhập lãi cho vay phải thu với chi phí lãi vay phải trả	217.680.037.480	-
Cần trừ chi phí lãi vay phải trả với thu nhập lãi cho vay phải thu	156.659.794.521	-
Chuyển phải thu ngắn hạn khác sang cho vay ngắn hạn	424.851.228.342	-
Khoản phải trả khác được tái cơ cấu thành nợ gốc vay	-	33.150.000.000

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư của các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Trụ sở chính có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Chi nhánh		
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
– Chi nhánh Hà Nam		
Chuyển lợi nhuận về Trụ sở chính	69.936.405.624	541.578.528.107
Vay	-	214.550.000.000
Hoàn trả nợ gốc vay	214.550.000.000	-
Chi phí lãi vay	8.506.520.000	9.567.616.667
Bán thành phẩm và nguyên vật liệu	29.956.044.360	82.671.500.829
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	2.240.844.001	117.580.150
Các công ty con		
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế		
Lợi nhuận được phân phối	211.845.326.049	558.507.716.525
Vay	-	210.800.000.000
Hoàn trả nợ gốc vay	205.700.000.000	5.100.000.000
Chi phí lãi vay	11.554.546.667	8.153.612.500
Bán thành phẩm và nguyên vật liệu	91.302.086.135	132.030.143.725
Cho mượn vật liệu	-	28.631.921.847
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	632.799.494	11.371.381.742

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang		
Bán thành phẩm	55.567.128.729	87.450.853.310
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	3.753.960.223	3.886.093.770
Cho mượn hàng hóa	-	88.624.730
Mượn hàng hóa và nguyên vật liệu	-	18.415.643.620
Cho vay	-	12.000.000.000
Thu hồi nợ cho vay	-	271.310.204.405
Thu nhập lãi cho vay	-	4.231.330.725
Lợi nhuận được phân phối	220.925.462.398	-
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên		
Bán thành phẩm và nguyên vật liệu	20.783.110.729	66.347.281.396
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	917.813.252	3.548.859.658
Cho mượn nguyên vật liệu và công cụ	-	565.819.292
Cho vay	12.500.000.000	-
Thu hồi nợ cho vay	12.500.000.000	139.954.716.900
Thu nhập lãi cho vay	119.625.000	580.826.981
Lợi nhuận được phân phối	72.759.247.544	153.619.596.990
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An		
Bán thành phẩm	18.172.566.325	8.008.703.600
Mua vật liệu	796.351.577	-
Cho vay	226.161.300.000	139.620.412.341
Thu hồi nợ cho vay	117.400.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	11.823.986.991	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang		
Bán thành phẩm	16.195.060.437	-
Mua nguyên vật liệu	924.622.513	-
Cho vay	315.589.928.342	188.272.683.342
Thu hồi nợ cho vay	23.210.412.342	-
Thu nhập lãi cho vay	19.171.933.403	-
Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri- Farm”)		
Góp vốn	200.000.000.000	499.990.000.000

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định		
Bán thành phẩm	47.777.696.942	52.699.168.870
Mua vật liệu	21.895.216.701	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Bán thành phẩm	257.125.307.374	333.938.012.857
Mua vật liệu	116.010.264.304	252.091.998.122
Vay	2.780.000.000.000	5.383.000.000.000
Hoàn trả nợ gốc vay	130.000.000.000	4.940.000.000.000
Nợ gốc và lãi vay được tái cơ cấu	2.411.894.338.040	-
Chi phí lãi vay	148.799.637.077	37.578.191.778
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Bán thành phẩm	35.141.645.807	39.221.608.475
Mua nguyên vật liệu	1.670.683.500	1.686.877.798
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ		
Bán thành phẩm	11.474.138.462	11.053.268.540
Mua vật liệu	1.355.400	-
Công ty TNHH Kenji		
Cho vay	-	58.400.000.000
Thu hồi nợ cho vay	33.500.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	40.492.536.987	63.353.600.000
Công ty TNHH Shika		
Cho vay	-	1.865.336.378.000
Thu hồi nợ cho vay	-	418.161.920.000
Thu nhập lãi cho vay	62.624.987.844	52.008.912.649
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	910.000.000.000	4.396.000.000.000
Thu hồi nợ cho vay	369.000.000.000	4.000.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	68.651.041.098	12.140.219.178
Công ty Cổ phần Tiêu dùng Masan		
Phí hỗ trợ quản lý	7.413.228.178	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	8.630.579.300	21.481.619.076

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Trụ sở chính có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch thấu chi với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo điều khoản giao dịch thông thường.

36. Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 (phân loại lại) VND	1/1/2017 (theo báo cáo trước đây) VND
Vốn lưu động đã cấp cho Chi nhánh	27.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	119.152.046.897	146.152.046.897

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tại ngày phát hành báo tài chính này, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế, Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên, Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang cho Công ty TNHH MNS Feed (trước đây gọi là "Công ty TNHH Masan Nutri-Feed"), một công ty con của Công Cổ phần Masan Nutri-Science.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2018, Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định chuyển lợi nhuận chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam cho Trụ sở chính với số tiền là 56.960.014.619 VND. Số tiền này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Trung Tâm
Tổng Giám đốc